

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 4 - 2026

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Việt Thái.

2/ Bà Nguyễn Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: Luật sư Nguyễn Thị Á
- Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Á - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà C, bà Á có mặt, ông A xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đinh Thị C trình bày:

Bà và ông Trần Văn A quen biết nhau và chung sống vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. C1 sống hạnh phúc đến năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính tình. Bà và ông A đã ly thân từ ngày 10/6/2025 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Trần Văn A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 21/12/1997; Trần Đình Quế A1, sinh ngày 30/01/2012. Con chung Trần Minh T đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Đình Quế A1, chưa yêu cầu ông A1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Đinh Thị C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 21/12/1997; Trần Đình Quế A1, sinh ngày 30/01/2012. Con chung Trần Minh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông giao cháu Trần Đình Quế A1 cho bà Đinh Thị C nuôi dưỡng, ông chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đinh Thị C trình bày tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị C và ông Trần Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Đình Quế A1, sinh ngày 30/01/2012 cho bà Đinh Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn A chưa cấp dưỡng nuôi con chung do bà Đinh Thị C chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị C với ông Trần Văn A.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Đình Quế A1, sinh ngày 30/01/2012 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông A1 chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn A đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Đinh Thị C có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn A, bà C và ông A sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận bà Đinh Thị C, ông Trần Văn A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Đinh Thị C và ông Trần Văn A thống nhất giao con chung Trần Đình Quế A1, sinh ngày 30/01/2012 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Quế A1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà Đinh Thị C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị C, giao cháu Trần Đình Quế A1 cho bà Đinh Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đinh Thị C chưa yêu cầu công Trần Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quế A1 nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C, ông A1, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đinh Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; miễn án phí theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ khoản 2, Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị C và ông Trần Văn A.
2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Đình Quế A1, sinh ngày 30/01/2012 cho bà Đinh Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn A chưa cấp dưỡng nuôi con chung do bà Đinh Thị C chưa có yêu cầu.

Ông Trần Văn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu ông Trần Văn A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đinh Thị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Văn A.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009896 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà C đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- TAND tỉnh Đồng Tháp; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV4;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Kim Loan

